

Bản án số: 208/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28/6/2024

V/v: Ly hôn; tranh chấp

nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 218/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/4/2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1991; địa chỉ đăng ký thường trú: Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; hiện đang lao động tại Đài Loan.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được hơn 01 tháng thì anh T đi Đài Loan lao động. Từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra tranh cãi qua điện thoại, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về phát triển kinh tế và nuôi dạy con. Dần dần anh T không còn liên lạc về nhà, không quan tâm vợ con, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Từ năm

2019 đến nay anh T chưa từng một lần về Việt Nam thăm gia đình. Chị H xác định vợ chồng ly thân nhiều năm, không còn tình cảm nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Thảo A sinh ngày 24/9/2019, hiện đang ở với chị H. Khi ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, yêu cầu anh T cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Chị H đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Tại các biên bản lấy lời khai, bà Đặng Thị N trình bày:

Bà là mẹ của anh Trần Văn T. Chị Nguyễn Thị H là vợ anh T và là con dâu bà. Chị H và anh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K vào năm 2018. Sau khi kết hôn chị H và anh T chung sống được khoảng hơn 01 tháng thì anh T đi lao động ở Đài Loan. Sau đó chị H sống với vợ chồng bà N một thời gian thì chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống để tiện cho việc đi làm. Từ khi anh T đi Đài Loan năm 2019 đến nay chưa về Việt Nam. Bà không rõ mâu thuẫn cụ thể giữa anh T với chị H là gì mà chỉ biết ban đầu anh T có liên lạc với chị H nhưng từ năm ngoái anh T không gọi điện về cho chị H nữa. Bà không rõ địa chỉ cụ thể của anh T nên không thể cung cấp cho Toà án nhưng bà vẫn liên lạc với anh T nên đồng ý nhận các văn bản của Toà án để thông báo cho anh T. Quan điểm của anh T là nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh T đồng ý. Về con chung thì anh T và chị H có 01 con chung là Trần Thảo A, sinh ngày 24/9/2019, hiện đang ở với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng thì anh H đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung, chị H không yêu cầu giải quyết thì anh T cũng không có ý kiến gì. Hiện anh T ở Đài Loan không thể về Việt Nam tham gia giải quyết vụ án được nên đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt anh T.

Tại Công văn số 10591/QLXNC-P3 ngày 22/5/2024, Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ C cung cấp anh Trần Văn T xuất cảnh lần gần nhất ngày 06/01/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật, xử cho chị Nguyễn Thị Hải ly hôn anh Trần Văn T; giao con chung

Trần Thảo A sinh ngày 24/9/2019 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng đến khi con chung thành niên; chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp); anh T phải chịu án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị H đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn, con chung với anh T. Chị H, anh T đều đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương nhưng chị H hiện đang ở nước ngoài. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống khoảng hơn 01 tháng thì anh T đi Đài Loan đến nay không về. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm về hướng phát triển kinh tế và nuôi dạy con, thường xuyên tranh cãi và hơn một năm nay cắt đứt liên lạc. Xét thấy chị H và anh T chung sống trong thời gian ngắn, ly thân đã lâu, đến nay không còn liên lạc, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn thì anh T đồng ý. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận cho chị H ly hôn anh T.

[3] Về quan hệ con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Trần Thảo A sinh ngày 24/9/2019, hiện đang ở với chị H. Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng thì anh T đồng ý. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ, căn cứ quan điểm của các bên và để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ, cần giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng đến khi con chung thành niên.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Anh T không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên sau này nếu anh T yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị H là nguyên

đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hải ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thảo A sinh ngày 24/9/2019 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; anh Trần Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 24/4/2024 theo biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0000639; chị H đã nộp đủ. Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã K, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hải Bằng